

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/DS-ST

Ngày: 28/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Phan Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huyền T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 74A NTT, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hương Quê, sinh năm 1977; Nơi cư trú: 03 Mậu Thân, phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Vợ chồng bà Đỗ Thị Bích T – sinh năm 1984, ông Trương Công Hùng - sinh năm 1976; Nơi cư trú: số 10 LTK, phường 7, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hoà giải và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn Trần Thị Huyền T trình bày như sau:

Do có quan hệ quen biết nên bà T đã cho vợ chồng ông Trương Công Hùng, bà Đỗ Thị Bích T vay tiền 13 lần, mỗi lần 100.000.000đ vào các ngày 29/10/2018, 05/11/2018, 12/11/2018, 19/11/2018, 03/12/2018, 10/12/2018, 24/12/2018, 07/01/2019, 14/01/2019, 21/01/2019, 13/02/2019,

04/3/2019, 18/3/2019. Trong đó lần vay tiền ngày 29/10/2018 đã trả được 50.000.000đ nên số nợ còn lại của 13 lần vay là 1.250.000.000đ. Sau đó đến ngày 11/01/2021, qua tin nhắn zalo bà T tiếp tục vay bà T số tiền là 130.000.000đ. Do đó tổng số tiền vợ chồng bà T, ông Hùng đã vay của nguyên đơn là 1.380.000.000đ. Dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện mà tránh mặt. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Trương Công Hùng, bà Đỗ Thị Bích T phải trả cho nguyên đơn số tiền là 1.380.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật, lãi suất là 10%/năm kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 04/10/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đỗ Thị Bích T, Trương Công Hùng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp khoản vay 130.000.000đ ngày 11/01/2021 qua tin nhắn zalo, khi nào nguyên đơn thu thập được đầy đủ chứng cứ sẽ khởi kiện sau.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện VKSND thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn giải quyết. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Đỗ Thị Bích T phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 1.250.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện 04/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2022; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tranh chấp khoản vay 130.000.000đ ngày 11/01/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 2

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc:

Nguyên đơn Trần Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đỗ Thị Bích T, ông Trương Công Hùng phải trả số tiền 1.250.000.000đ đồng thời cung cấp chứng cứ là 08 giấy vay thể hiện 13 lần vay tiền đề ngày 29/10/2018, 05/11/2018, 12/11/2018, 19/11/2018, 03/12/2018, 10/12/2018, 24/12/2018, 07/01/2019, 14/01/2019, 21/01/2019, 13/02/2019, 04/3/2019, 18/3/2019. Các giấy vay tiền đều đề tên và ký tên người vay là bà Đỗ Thị Bích T, ông Trương Công Hùng không trực tiếp ký tên vào các giấy vay tiền nói trên, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Hùng có biết và khoản vay trên sử dụng chung gia đình nên không có đủ căn cứ để buộc ông Trương Công Hùng phải có nghĩa vụ trả nợ. Về thông tin cá nhân, nơi cư trú do bà Đỗ Thị Bích T ghi trên giấy vay phù hợp với thông tin do nguyên đơn cung cấp và phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố TH, đủ cơ sở xác định: Bà Đỗ Thị Bích T có vay của bà Trần Thị Huyền T tổng số tiền là 1.250.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ theo đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên nguyên đơn có quyền khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt bản sao giấy vay tiền và các thông báo, văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không tới Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu phản tố, không xuất trình chứng cứ chứng minh việc trả nợ của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Đỗ Thị Bích T phải trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật của khoản nợ gốc 1.250.000.000đ từ ngày nộp đơn khởi kiện 04/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2022, tính tròn là 8,5 tháng. Xét hợp đồng vay giữa hai bên không có thỏa thuận lãi và thời hạn trả nợ nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015 và các điều 5, 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. HĐXX chấp nhận số tiền lãi như sau: $1.250.000.000đ \times 10\%/năm \times 8,5 \text{ tháng} = 88.541.666đ$.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền bị đơn Đỗ Thị Bích T phải trả cho nguyên đơn là: tiền gốc 1.250.000.000đ + tiền lãi 88.541.666đ = 1.338.541.666đ.

[2.4] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hương Quê - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp khoản vay 130.000.000đ ngày 11/01/2021. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nói trên.

[3] **Về án phí:** Bị đơn Đỗ Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận (1.388.541.666đ). Hoàn lại cho nguyên đơn Trần Thị Huyền T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Đỗ Thị Bích T phải trả cho nguyên đơn Trần Thị Huyền T số tiền 1.388.541.666đ (*một tỷ ba trăm tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*); trong đó nợ gốc là 1.250.000.000đ, tiền lãi là 88.541.666đ.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản vay 130.000.000đ (*một trăm ba mươi triệu đồng*) ngày 11/01/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Đỗ Thị Bích T phải chịu 53.656.250đ (*năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Trần Thị Huyền T số tiền 26.700.000đ (*hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004843 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Khắc Hiếu Phan Thị Oanh

Lê Diễm Anh Trúc

